TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGA SƠN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST-KDTM	*Nga Sơn, ngày 06 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2018/TLST-KDTM, ngày 09 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: 108 T, quận H, TP. Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP C.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh T.(Văn bản ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng số 1108/UQ-HĐQT-NHCT18, ngày 26/10/2015 của ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP C).

Địa chỉ: 17 P, phường Đ, TP.Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Công ty TNHH H.

Địa chỉ: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh P - chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Minh P – sinh năm 1960.
- Bà Hoàng Thị H – sinh năm 1966.

Đều trú tại: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn H chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh T theo các Hợp đồng tín dụng sau (tính đến ngày 06 tháng 4 năm 2018 có bản kê kèm theo) gồm:

- Hợp đồng tín dụng số: 09540033/HĐTD, ngày 08/12/2009. Nợ gốc 2.381.214.000đ(*Hai tỷ, ba trăm tám mươi mốt triệu, hai trăm mười bốn nghìn đồng*). Nợ lãi 710.911.440đ(*Bảy trăm mười triệu, chín trăm mười một nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng*).

- Hợp đồng tín dụng số: 15870015/HĐTDHM/NHCT420-CTTNHHHAOPHUNG, ngày 08/5/2015. Nợ gốc 4.894.900.000đ(*Bốn tỷ, tám trăm chín mươi tư triệu, chín trăm nghìn đồng*). Nợ lãi 937.572.175đ(*Chín trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm bảy lăm đồng*).

- Hợp đồng tín dụng số: 16680027/2016-HĐTDHM/NHCT420 HẢO PHỤNG, ngày 27/7/2016. Nợ gốc 2.605.000.000đ(*Hai tỷ, sáu trăm linh năm triệu đồng*). Nợ lãi 472.614.964đ(*Bốn trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, chín trăm sáu tư đồng*)

+ Tổng cả ba Hợp đồng tín dụng cụ thể là:

Nợ gốc: 9.881.114.000đ.

Nợ lãi: 2.121.098.579đ.

Tổng cộng: **12.002.212.579đ** (*Mười hai tỷ, không trăm lẻ hai triệu, hai trăm mười hai nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng*).

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Hai bên đương sự thỏa thuận kê biên các tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 623, tờ bản đồ số 02, diện tích 68m2 tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B026830 do UBND huyện N cấp ngày 01/12/1992 cho bà Hoàng Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 273b, tờ bản đồ số 02, diện tích 100m2 tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B026988 do UBNH huyện N cấp ngày 01/12/1992 cho ông Phạm Minh P.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 02, diện tích 133m2 tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD819906 do UBND huyện cấp 28/10/2005 cho ông Phạm Minh P.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 232a, tờ bản đồ số 02, diện tích 200m2 tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y928319 do UBND huyện N cấp ngày 11/01/2004 cho ông Phạm Minh P.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 232b, tờ bản đồ số 02, diện tích 200m2 tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số Y928318 do UBND huyện N cấp ngày 11/01/2004 cho ông Phạm Minh P.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 232c, tờ bản đồ số 02, diện tích 200m2 tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y928317 do UBND huyện N cấp ngày 11/01/2004 cho ông Phạm Minh P.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 428, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m2 tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM345444 do UBND huyện N cấp ngày 27/5/2008 cho ông Phạm Minh P.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 429, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m2 tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM345443 do UBND huyện N cấp ngày 27/5/2008 cho ông Phạm Minh P.

- Nhà văn phòng công ty 04 tầng, kết cấu tường gạch, mái bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 150m2, diện tích sàn 600m2, xây dựng trên thửa đất số 428 + 429, tờ bản đồ số 04, tại xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 384011612300165, do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 30/7/2009 cho Công ty TNHH H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 275, tờ bản đồ số 02(Bản đồ 299 xã N), diện tích 1.636m2, tại xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ860651 do UBND huyện N cấp ngày 08/05/2006 cho ông Phạm Minh P.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 463, tờ bản đồ số 04, thuộc lô số 02 theo mặt bằng được duyệt năm 2006, diện tích 100m2, tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI239010 do UBND huyện N cấp ngày 02/12/2009 cho ông Phạm Minh P.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 462, tờ bản đồ số 04, thuộc lô số 03 theo mặt bằng được duyệt năm 2006, diện tích 100m2, tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI239011 do UBND huyện N cấp ngày 02/12/2009 cho ông Phạm Minh P.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 461, tờ bản đồ số 04, thuộc lô số 04 theo mặt bằng được duyệt năm 2006, diện tích 100m2, tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI239012 do UBND huyện N cấp ngày 02/12/2009 cho ông Phạm Minh P.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 460, tờ bản đồ số 04, thuộc lô số 05 theo mặt bằng được duyệt năm 2006, diện tích 100m2, tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI239013 do UBND huyện N cấp ngày 02/12/2009 cho ông Phạm Minh P.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 16, diện tích 500m^2, tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AO451480, do UBND huyện N cấp ngày 02/01/2009 cho ông Phạm Minh P.

- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất có diện tích 3.750m2 tại thửa đất số 432, tờ bản đồ số 04; khu phòng làm việc 03 tầng, kết cấu tường gạch, khung, mái bê tông cốt thép; nhà sản xuất 01 tầng, kết cấu khung nhà sắt, mái tôn; Nhà bảo vệ: 01 tầng, kết cấu tường gạch, mái bê tông cốt thép, tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC044983 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 15/3/2011 cho Công ty TNHH H.

- Bộ dây chuyền máy sản xuất gạch Block, sản xuất năm 2010 tại Trung Quốc bao gồm: Máy tạo hình gạch chạy bằng điện, máy phân trọng lượng chạy bằng điện, máy trộn bê tông chạy bằng điện, máy đóng khối, tạo hình bê tông chạy bằng điện. Tại nhà sản xuất gạch xi măng Block ở xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Altis, BKS: 36N - 0138, số khung: 42EX97201977, số máy: 1ZZ4915414. Mang tên Công ty TNHH H.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra quyết định khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi xuất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi xuất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi xuất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi xuất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Công ty TNHH H phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 30.000.553đ (*Ba mươi triệu, năm trăm năm mươi ba đồng*).

- Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh T phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 30.000.553đ (*Ba mươi triệu, năm trăm năm mươi ba đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 59.937.000đ (*Năm mươi chín triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002703 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh T số tiền 29.936.447đ (*Hai mươi chín triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi bảy đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nga Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Xuân Hùng